

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ  
NÚI CẬU DẦU TIẾNG**

**ĐỀ ÁN  
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ RỪNG  
PHÒNG HỘ NÚI CẬU DẦU TIẾNG ĐẾN NĂM 2030**



**Dầu Tiếng, 2025**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ  
NÚI CẬU DẦU TIẾNG

**ĐỀ ÁN**  
**DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ RỪNG**  
**PHÒNG HỘ NÚI CẬU DẦU TIẾNG**  
**ĐẾN NĂM 2030**

**ĐƠN VỊ CHỦ RỪNG**  
**BAN QUẢN LÝ**  
**RỪNG PHÒNG HỘ**  
**NÚI CẬU DẦU TIẾNG**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**ĐẠI DIỆN LIÊN DANH**  
**VIỆN SINH THÁI RỪNG VÀ**  
**MÔI TRƯỜNG**

**Dầu Tiếng, 2025**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Sự cần thiết của Đề án.....	1
2. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái .....	2
CHƯƠNG 1 ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ NÚI CẬU DẦU TIẾNG .....	4
1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên.....	4
1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích.....	4
1.1.2. Địa hình và địa chất.....	5
1.1.3. Khí hậu và mùa du lịch .....	5
1.1.4. Thủy Văn.....	7
1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất .....	8
1.1.6. Diện tích rừng.....	9
1.1.7. Đa dạng sinh học .....	14
1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên.....	15
1.2. Dân sinh, kinh tế-xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa.....	19
1.2.1. Dân số, dân tộc và lao động .....	19
1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	20
1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa.....	21
1.3. Giao thông .....	23
1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch.....	24
1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực .....	24
1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch .....	25
1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch .....	30
1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến và chương trình du lịch.....	31
1.4.5. Đầu tư du lịch.....	31
1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển DLST.....	31
1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá .....	32
1.4.8. Hiện trạng sự tham gia cộng đồng .....	33
1.4.9. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	33
1.5. Đánh giá chung về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng .....	33

1.5.1. Điểm mạnh .....	33
1.5.2. Điểm yếu .....	34
1.5.3. Cơ hội .....	34
1.5.4. Thách thức .....	34
<b>CHƯƠNG 2 NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ CỦA BAN QUẢN LÝ RPH NÚI CẬU DẦU TIẾNG.....</b>	<b>36</b>
2.1. Căn cứ xây dựng Đề án .....	36
2.1.1. Căn cứ pháp lý.....	36
2.1.2. Cơ sở khoa học và thực tiễn.....	40
2.2. Định hướng phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng .....	48
2.2.1. Định hướng phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch .....	48
2.2.2. Định hướng phát DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng đến năm 2030.....	50
2.3. Mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển .....	55
2.3.1. Mục tiêu.....	55
2.3.2. Các chỉ tiêu phát triển .....	56
2.4. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí đến năm 2030.....	56
2.4.1. Từ chính sách .....	56
2.4.2. Từ các cộng đồng và công ty du lịch .....	58
2.4.3. Từ nội tại Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng .....	59
2.5. Nội dung phát triển các điểm, tuyến DLST, nghỉ dưỡng và giải trí tại Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng đến năm 2030 .....	60
2.5.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch..	60
2.5.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn tuyến du lịch .....	99
2.5.3. Các phương thức tổ chức thực hiện .....	113
2.6. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện.....	120
2.6.1 Khái toán đầu tư, nguồn vốn và phương án huy động vốn.....	120
2.6.2. Các dự án ưu tiên phát triển .....	122
2.6.3. Quy mô công trình .....	123
<b>CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TẠI BAN QUẢN LÝ RPH NÚI CẬU DẦU TIẾNG.....</b>	<b>125</b>
3.1. Giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư .....	125

3.2. Giải pháp bảo vệ và phát triển rừng.....	125
3.3. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.....	126
3.4. Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch.....	127
3.5. Giải pháp phòng cháy, chữa cháy.....	129
3.6. Giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch.....	130
3.7. Giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh.....	130
<b>CHƯƠNG 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN.....</b>	<b>131</b>
4.1. Tổ chức thực hiện.....	131
4.1.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường.....	131
4.1.2. Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng.....	131
4.1.3. Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan.....	132
4.1.4. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương.....	133
4.1.5. Các tổ chức, cá nhân liên quan.....	133
4.2. Tổ chức giám sát hoạt động phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí.....	134
4.2.1. Vai trò giám sát của các bên liên quan.....	134
4.2.2. Tổ chức giám sát của các bên liên quan.....	134
4.3.3. Hiệu quả của đề án.....	135
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>137</b>
1. Kết luận.....	137
2. Kiến nghị.....	137
Phụ lục 01. Dự toán kinh phí đầu tư thực hiện Đề án đến năm 2030.....	138

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con người.....	7
Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng.....	8
Bảng 3. Diện tích rừng, đất chưa có rừng của Ban quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng.....	10
Bảng 4. Tổng hợp dân số, lao động của các xã thuộc lâm phận Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng .....	19
Bảng 5. Hệ thống đường giao thông khu vực RPH Núi Cậu Dầu Tiếng.....	23
Bảng 6. Trang thiết bị hiện có của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng.....	26
Bảng 7. Thống kê lượng khách tham quan và doanh thu bán vé tại Khu lịch sinh thái Núi Cậu.....	33
Bảng 8. Thị trường khách du lịch nội địa .....	54
Bảng 9. Thị trường khách du lịch quốc tế.....	54
Bảng 10. Tiêu chí đánh giá các điểm du lịch tiềm năng trong RPH của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng .....	61
Bảng 11. Tổng hợp các điểm DLST tại Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng ưu tiên phát triển.....	64
Bảng 12. Tiêu chí để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường .....	115
Bảng 13. Tổng mức đầu tư thực hiện Đề án đến năm 2030.....	120
Bảng 14. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thực hiện đến năm 2030 .....	122
Bảng 15. Quy mô, chiều cao công trình phục vụ DLST, giải trí, nghỉ dưỡng trong RPH .....	123

## DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Bản đồ hiện trạng rừng của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng năm 2024 – Khu vực xã Định Thành.....	11
Hình 2. Bản đồ hiện trạng rừng của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng năm 2024 – Khu vực xã Minh Hòa.....	12
Hình 3. Cảnh quan hồ Dầu Tiếng.....	16
Hình 4. Cảnh quan quần thể Núi Cậu Dầu Tiếng .....	18
Hình 5. Cảnh quan hồ Suối Trúc – hồ Than Thở vào mùa mưa.....	18

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BT VH	Bảo tồn văn hóa
BV MT	Bảo vệ môi trường
BV R	Bảo vệ rừng
Đ DSH	Đa dạng sinh học
Đ SVH	Di sản văn hóa
Đ LST	Du lịch sinh thái
NN & PTNN	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NN & MT	Nông nghiệp và Môi trường
NĐT	Nhà đầu tư
MTR	Môi trường rừng
KD DLST	Kinh doanh du lịch sinh thái
UBND	Ủy ban nhân dân
VHDL	Văn hóa du lịch
VHTT & DL	Văn hóa Thể thao và Du lịch
KHCN	Khoa học công nghệ
KTDL	Kinh tế du lịch
RPH	Rừng phòng hộ
VQG	Vườn quốc gia

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của Đề án

Rừng phòng hộ (RPH) Núi Cậu Dầu Tiếng đặc trưng bởi hệ động thực vật khá phong phú, đa dạng có cảnh quan đẹp gắn liền với hồ Dầu Tiếng hình thành một địa thế phong cảnh non nước sơn thủy hữu tình. Nơi đây có tiềm năng to lớn về du lịch, hứa hẹn là điểm đến lý tưởng cho các du khách yêu thích thiên nhiên và du lịch. RPH Núi Cậu Dầu Tiếng nằm trên địa bàn hai xã Định Thành và Minh Hoà của huyện Dầu Tiếng. Mỗi khu vực lại có những tiềm năng khác nhau để phát triển du lịch sinh thái (DLST) trong tương lai. Tại xã Định Thành, diện tích RPH chủ yếu là hệ sinh thái rừng tự nhiên xanh tốt là lá phổi xanh của huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đồng thời có các tài nguyên về văn hóa, lịch sử, tâm linh... thích hợp phát triển loại hình DLST, du lịch thể thao, du lịch văn hoá, tâm linh... Tại xã Minh Hòa, diện tích đất RPH chủ yếu là trạng thái rừng trồng với loài cây chính là Cao su và một số loài cây ăn quả trồng xen dưới diện tích cây lâm nghiệp, thích hợp cho việc phát triển các loại hình du lịch miệt vườn, du lịch trải nghiệm, du lịch nông nghiệp...

Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông Nghiệp và Môi trường), được UBND tỉnh Bình Dương thành lập theo Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 và có chức năng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng rừng thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật theo Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Bình Dương.

Nhằm khai thác tiềm năng, phát triển du lịch tỉnh Bình Dương nói chung và Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng nói riêng gắn liền với công tác quản lý bảo vệ rừng (BVR), phát huy tối ưu những lợi thế điều kiện tự nhiên về cảnh quan và đa dạng sinh học (ĐDSH), năm 2021 UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về Phê duyệt Đề án Phát triển Du lịch tỉnh Bình Dương đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, một trong các mục tiêu là xây dựng du lịch trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, thúc đẩy một số ngành, lĩnh vực có liên quan cùng phát triển, đảm bảo an ninh, quốc phòng; đồng thời là một công cụ nâng cao chất lượng đời sống, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, hưởng thụ tinh thần của nhân dân địa phương. Mới đây, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phân khu xây dựng, tỷ lệ 1/2000 Khu dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại bán đảo Ta La, hồ Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nhằm mục tiêu khai thác hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân tạo, tạo dựng một không gian kinh tế du lịch xanh phát triển đa mục tiêu.

Bên cạnh đó, khu vực hồ chứa nước Dầu Tiếng nằm trên địa phận ba tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước là một trong ba công trình được đưa vào Danh mục các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo Quyết định số 1502/QĐ-TTg ngày 02/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ.



Năm 2021, UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt “Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng, giai đoạn 2020 – 2030” tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 03/12/2021. Để triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2030 của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng, đồng thời xây dựng các định hướng phát triển du lịch sinh thái trong RPH Núi Cậu Dầu Tiếng, việc xây dựng “**Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng đến năm 2030**” là rất cần thiết, là cơ sở pháp lý cho các hoạt động DLST trong RPH Núi Cậu Dầu Tiếng. Đề án nhằm khai thác tối ưu tiềm năng sinh thái tự nhiên và giá trị văn hoá tâm linh. Các mục tiêu chính đặt ra là xây dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc, kết hợp hài hoà giữa thiên nhiên và văn hoá, tạo nên một mô hình du lịch bền vững, có trách nhiệm và chuyên nghiệp. Đồng thời, mô hình này sẽ tạo ra nguồn thu lớn, góp phần tái đầu tư vào công tác BVR, bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. DLST sẽ được phát triển với chất lượng cao, chuyên nghiệp, mang tính đa dạng và kết nối chặt chẽ với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, hướng tới một loại hình du lịch có giá trị lâu dài, ít tác động đến môi trường tự nhiên.

## **2. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái**

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, ĐDSH và phát triển KT-XH.

- Phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia của ngành, của tỉnh Bình Dương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, ĐDSH và phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Đảm bảo phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 - 2030 của Ban Quản lý RPH Núi Cậu Dầu Tiếng; đầy đủ nội dung nội dung theo quy định của Điều 23, 24 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm Nghiệp.

- Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan và khuyến khích các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan và các loài động, thực vật hoang dã đồng thời góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ĐDSH và bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, chống sa mạc hoá, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu ở RPH Núi Cậu Dầu Tiếng.

- Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại địa phương, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư sống ven rừng và các khu vực lân cận thông qua các hoạt động DLST. Qua đó, khuyến khích người dân chủ động tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng một cách hiệu quả và lâu dài.

- Mang lại thu nhập bền vững và bình đẳng cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác. Mang lại nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển các điểm, tuyến du lịch.

- Giáo dục nâng cao nhận thức và hiểu biết, khả năng hưởng thụ của du khách và tăng cường sự tham gia của họ vào công tác bảo tồn. Tạo điều kiện cho các bên tham gia một cách công bằng và có trách nhiệm vào phát triển DLST bền vững.

- Có hệ thống giám sát, biện pháp ứng phó và giảm thiểu với các tác động của du lịch về môi trường thiên nhiên, sự tồn tại và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã và giúp ngăn chặn sự phát triển của các loài ngoại lai xâm hại.

- Việc xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

+ Không ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu phòng hộ, bảo vệ cảnh quan, môi trường; bảo tồn thiên nhiên, ĐDSH, không chặt phá rừng; các công trình xây dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường;

+ Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất;

+ Không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa;

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của chủ rừng.